TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 08-5-2023.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Công Minh.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị M, sinh năm 1980.
Nơi đăng ký thường trú: Tổ 6, Ấp 5, xã LP, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ: Khu nhà ở Thăng Long Home, khu phố P, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Văn T, sinh năm 1978.
Địa chỉ: Tổ 6, Ấp 5, xã LP, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
(Bà M, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vũ Văn T tự tìm hiểu từ năm 2000 đến năm 2001 thì kết hôn, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện L, tỉnh Đồng Nai ngày 23/7/2001. Trong thời gian chung sống, vợ chồng sống bình thường đến khoảng 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông T không lo làm ăn, không quan tâm gia đình, vợ con, gia trưởng. Đến khoảng tháng 10/2022 thì bà bỏ ra ngoài đến ở nhà con gái tại khu nhà ở Thăng Long Home tại khu phố P, thị trấn H, huyện

N, tỉnh Đồng Nai và ly thân ông T cho đến nay. Trong thời gian bà đến nhà con gái sinh sống thì ông T không liên lạc hỏi thăm gì. Nay bà yêu cầu ly hôn ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Vũ Thị Minh T, sinh ngày 09/5/2001 và Vũ Trần Ngọc L, sinh ngày 06/9/2005. Cháu T hiện đã thành niên và có khả năng lao động, đã lập gia đình riêng. Bà yêu cầu nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Theo bản tự khai ngày 08/5/2023, bị đơn ông Vũ Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị M kết hôn với nhau vào năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT. Khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm tất cả mọi thứ. Ông và bà M không thể sống với nhau được nữa nên quyết định ly hôn. Ông và bà M ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay. Bà M yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Vũ Thị Minh T, sinh ngày 09/5/2001 và Vũ Trần Ngọc L, sinh ngày 06/9/2005. Bà M yêu cầu nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con thì ông đồng ý.

Về tài sản chung: Ông và bà M tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn được đảm bảo về quyền lợi; thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M đối với bị đơn ông Vũ Văn T. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông T. Về con chung: Có 02 con chung tên Vũ Thị Minh T, sinh ngày 09/5/2001 và Vũ Trần Ngọc L, sinh ngày 06/9/2005. Bà M yêu cầu nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, ông T đồng ý nên đề nghị giao cháu L cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Ông T và bà M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh trụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Trần Thị M và bị đơn ông Vũ Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà M, ông T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị M và ông Vũ Văn T kết hôn với nhau vào năm 2001, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyển số 01, ngày 23/7/2001 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Bà M và ông T đều thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, đã ly thân được một khoảng thời gian, không thể tiếp tục chung sống, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ.

Xét thấy, hôn nhân giữa bà M và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà M yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý tuy nhiên bà M và ông T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên không thể ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà M và ông T. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà M đối với ông T, xử cho bà M được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Có 02 con chung Vũ Thị Minh T, sinh ngày 09/5/2001 và Vũ Trần Ngọc L, sinh ngày 06/9/2005.

Đối với cháu T đã thành niên và có khả năng lao động, bà M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Đối với cháu L đang do bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu L có nguyện vọng tiếp tục sống với bà M; ông T đồng ý giao cháu L cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng tuy nhiên bà M và ông T vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên không thể ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà M và ông Tuấn. Do đó, cần xử giao cháu L cho bà M được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu. Về cấp dưỡng: Bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, ông T không có yêu cầu nào khác nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, bà M và ông T vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Bà M và ông T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà M và ông T đều trình bày vợ chồng không có nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Vũ Văn T, do đó bà M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, các Điều 238, 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng

dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M đối với bị đơn ông Vũ Văn T về tranh chấp ly hôn, nuôi con.

1. Xử cho bà Trần Thị M được ly hôn ông Vũ Văn T.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Vũ Thị Minh T, sinh ngày 09/5/2001 (đã thành niên và có khả năng lao động) và Vũ Trần Ngọc L, sinh ngày 06/9/2005.

Xử giao cháu Vũ Trần Ngọc L, sinh ngày 06/9/2005 cho bà Trần Thị M được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không xem xét.

Sau khi ly hôn, bà M và ông T vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008955 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Bà M đã nộp xong).

5. Bà Trần Thị M và ông Vũ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- CCTHADS huyện Long Thành;
- UBND xã PT;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Minh Hoàng